

CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN CỦA TRIẾT HỌC MÁC

TRỊNH VĂN TOÀN*

Tóm tắt: Trên cơ sở phân tích nội dung của chủ nghĩa nhân văn và dòng chảy của chủ nghĩa nhân văn ở phương Tây, tác giả bài viết cho rằng, chủ nghĩa nhân văn là bản chất của triết học Mác; chủ nghĩa nhân văn của triết học Mác không những đoạn tuyệt với chủ nghĩa nhân văn của L.Phoiơbắc, mà còn biến chủ nghĩa nhân văn từ lý luận trừu tượng thành thực tiễn, nhằm cải tạo thế giới. Triết học Mác nói riêng và chủ nghĩa Mác nói chung sở dĩ có sức sống mạnh mẽ vì bản chất của nó là chủ nghĩa nhân văn.

Từ khóa: Chủ nghĩa nhân văn, L.Phoiơbắc, tha hóa, tự do, chủ nghĩa xã hội không tưởng, triết học Mác, chủ nghĩa Mác.

Mở đầu

Một trong những đặc điểm quan trọng nhất và mang tính bản chất của triết học Mác nói riêng và chủ nghĩa Mác nói chung là chủ nghĩa nhân văn. Bởi vì, xét đến cùng, triết học Mác chỉ có một mục đích duy nhất là trở thành phương tiện hữu hiệu, nhằm giải phóng con người khỏi những lực lượng nô dịch con người. Chính C.Mác và Ph.Ăngghen cũng đã khẳng định điều này trong tác phẩm “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” rằng: “tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của mọi người, và ngược lại, tự do của mọi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của mỗi người”⁽¹⁾. Khi nghiên cứu triết học Mác nói riêng và chủ nghĩa Mác nói chung, chúng ta phải làm sáng tỏ được bản chất nhân văn đó. Để bảo vệ chủ nghĩa Mác thì cần chỉ ra bản chất nhân văn của chủ nghĩa Mác; nhưng để làm rõ được bản chất nhân văn của chủ

nghĩa Mác thì chúng ta cần chỉ rõ mối liên hệ của chủ nghĩa nhân văn đó với truyền thống nhân văn chủ nghĩa phương Tây, mà cụ thể là chủ nghĩa nhân văn cận hiện đại, cũng như điểm mới mà C.Mác đã đem lại cho chủ nghĩa nhân văn này.

1. Khái quát về chủ nghĩa nhân văn

Để hiểu được bản chất nhân văn của triết học Mác thì chúng ta cần phải khảo cứu và trình bày nó trong dòng chảy liên tục phát triển của chủ nghĩa nhân văn Châu Âu cận hiện đại, bởi vì chủ nghĩa nhân văn đó là cái phản ánh phong trào giải phóng con người dưới dạng các quan điểm triết học đa dạng.

Thuật ngữ “chủ nghĩa nhân văn” (bắt nguồn từ tiếng La tinh là *humanus*, từ này có nghĩa là con người, tính người)

(*) Đại học Điện lực.

(1) Xem: C.Mác, Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 590.

được sử dụng để chỉ hệ thống quan điểm triết học lạc quan, đầy sức sống, thừa nhận hạnh phúc của cá nhân phát triển hài hoà là giá trị tối cao và là tiêu chí của tiến bộ xã hội. Khái niệm này được sử dụng rộng rãi trong các khoa học về con người, cũng như trong các khoa học xã hội và nhân văn (bản thân tên gọi "khoa học xã hội nhân văn" đã nói lên điều đó). Xét về mặt lịch sử và về mặt thuật ngữ, khái niệm "chủ nghĩa nhân văn" bắt nguồn từ thời Phục hưng, chính xác hơn là từ thời Phục hưng Italia, khi đó chủ nghĩa nhân văn thể hiện dưới hình thức một thế giới quan có hình thức tư tưởng và toàn vẹn, quy định nội dung cơ bản của các trào lưu tư tưởng thống trị trong xã hội. Song, nếu chủ nghĩa nhân văn được hiểu theo nghĩa rộng như là sự quan tâm cao quý đến con người, đến thế giới tinh thần và mục đích sống của con người, thì nhiều hệ thống triết học cũng đã có sự quan tâm như vậy. Với nghĩa rộng đó thì các tư tưởng của chủ nghĩa nhân văn xuyên suốt toàn bộ lịch sử văn hoá của nhân loại.

Trong dòng chảy của chủ nghĩa nhân văn có chủ nghĩa nhân văn cận hiện đại. Chủ nghĩa nhân văn cận hiện đại có các đặc điểm điển hình là: ý thức tự do tư tưởng, chủ nghĩa cá nhân hoàn toàn trần tục, tự do tư tưởng về chính trị - xã hội và công dân, tự do tư tưởng tiến bộ về mặt lịch sử, nhấn mạnh phương diện thực tiễn và đạo đức của tự do tư tưởng. Ở đây, cũng cần phải kể tới một số đặc điểm khác như tinh thần của Tin Lành giáo, thái độ sẵn sàng phản kháng và

đấu tranh nhằm thực hiện lý tưởng, đặc biệt là ý thức về sự hạn chế của con người biệt lập.

Chủ nghĩa nhân văn cận hiện đại nhấn mạnh nhu cầu tự bộc lộ và tự khẳng định của cá nhân; hoàn toàn không loại bỏ, mà còn thường xuyên đặt ra vấn đề về tính bị kích của con người cá thể bị hạn chế và bất lực trong tính biệt lập của mình. Chủ nghĩa nhân văn đó là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử nhân loại; nó sản sinh ra hai truyền thống cơ bản của chủ nghĩa nhân văn đã tồn tại trong suốt thời cận hiện đại cho đến tận giữa thế kỷ XIX là chủ nghĩa nhân văn cá nhân tư sản và chủ nghĩa nhân văn xã hội không tưởng.

Chủ nghĩa nhân văn cá nhân tư sản căn cứ trên học thuyết về quyền tự nhiên và khế ước xã hội; hướng tới quyền đầy đủ của mỗi cá nhân về sự sống, tự do và khát vọng hạnh phúc. Các đại diện của chủ nghĩa nhân văn cá nhân tư sản như Lôccơ, Spinôda, Russô, Đidơrô đã xem con người với tư cách là cá nhân tự trị và coi sự tự chủ là nguyên tắc tối cao của chủ nghĩa nhân văn. Trở ngại đối với họ là vấn đề kết hợp lợi ích cá nhân với các giá trị xã hội. Đỉnh điểm của chủ nghĩa nhân văn cá nhân tư sản là tư tưởng cải tạo chế độ phong kiến, phục hồi chủ quyền của nhân dân, thiết lập chế độ xã hội bình quân chủ nghĩa. Điều này quy định tính hạn chế của chủ nghĩa nhân văn cá nhân tư sản khi đã tận dụng hết động lực phát triển cơ bản của mình sau thắng lợi của cách mạng tư sản ở các nước phương Tây. Thay cho thời Khai

sáng, thời đại lãng mạn tiếp tục giữ lại các tư tưởng của chủ nghĩa nhân văn cá nhân tư sản, song có một sắc thái bi kịch hơn do không dung hợp được với quan hệ xã hội hiện thực thời đó.

Cũng bắt nguồn từ thời Phục hưng, truyền thống thứ hai (chủ nghĩa nhân văn xã hội không tưởng) gắn liền với chủ nghĩa xã hội không tưởng. Chủ nghĩa xã hội không tưởng đặt lên hàng đầu các nguyên tắc của chủ nghĩa tập thể và tính chất xã hội của con người. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa xã hội không tưởng xem bản tính con người như là bản tính tập thể chủ nghĩa, thể hiện ở lao động trung thực và phân phối công bằng sản phẩm. Chủ nghĩa nhân văn xã hội không tưởng liên hệ mật thiết với các khái niệm về bình đẳng, lao động và hạnh phúc. Người nào không lao động thì theo họ, không có quyền hợp pháp hưởng thụ sản phẩm lao động. Nguyên tắc này cũng cho rằng, việc người bóc lột người là vô đạo đức. Đặc trưng trong tư tưởng của các đại biểu của chủ nghĩa xã hội không tưởng sơ kỳ là ở chỗ, họ phê phán chế độ tư hữu và kêu gọi thay thế nó bằng chế độ có khả năng đem lại cho con người hạnh phúc chân thực và sự phát triển hài hoà, có đạo đức.

Các mâu thuẫn kinh tế - xã hội, chính trị và tinh thần dẫn tới sự tha hoá của con người chính là nguồn gốc cho cảm hứng nhân văn chủ nghĩa của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng. Các tư tưởng của họ về con người và loài người bao hàm tư tưởng biến xã hội thành liên

hiệp những người lao động tự do, áp dụng nguyên tắc lao động; tư tưởng đó đã tạo ra điều kiện để làm bộc lộ những tiềm năng sáng tạo và đạo đức vốn có trong mỗi con người, để cải biến nhà nước thành uỷ ban quản lý sản xuất và cuối cùng, để xác lập liên hiệp các dân tộc cùng chung sống hoà bình.

Triết học xã hội của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng thấm nhuần tinh thần của chủ nghĩa nhân văn và chính chủ nghĩa nhân văn thể hiện bản chất sau xa hệ tư tưởng của họ. Song, chủ nghĩa duy tâm trong quan niệm về tiến trình lịch sử đã không cho phép học thuyết của họ trở thành khoa học. Chủ nghĩa xã hội không tưởng không giải thích được bản chất của tình cảnh nô lệ làm thuê trong chủ nghĩa tư bản, không phát hiện ra được các quy luật phát triển khách quan của nó, không tìm ra lực lượng xã hội có khả năng sáng tạo ra xã hội mới. Các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng xuất phát từ các nguyên tắc nhân văn chung nhân loại, có nguyện vọng xây dựng một xã hội lý tưởng, nhưng họ nhận thức thiếu phê phán tiến trình lịch sử. Mặc dù có mâu thuẫn trong quan điểm của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng, song triết học của họ đã thực hiện một điều quan trọng là thúc đẩy chủ nghĩa nhân văn khi hợp nhất các khái niệm lao động, bình đẳng, công bằng, tự do.

2. Chủ nghĩa nhân văn của L.Phoiobắc

Một giai đoạn quan trọng trong tiến trình phát triển của chủ nghĩa nhân văn trước Mác là chủ nghĩa nhân văn của

L.Phoiobắc. Kế tục các truyền thống Khai sáng ở Đức, L.Phoiobắc đặt vấn đề con người vào trung tâm toàn bộ hệ thống triết học của mình. Chính con người - "đối tượng duy nhất, phổ quát, cao nhất của triết học"- đã trở thành vấn đề trung tâm trong lý luận của L.Phoiobắc, đưa ông đến với học thuyết nhân học triết học thấm nhuần chủ nghĩa nhân văn cao cả. L.Phoiobắc luôn lo lắng về đạo đức chân thực khi xem xét các hiện tượng tiêu cực trong xã hội đương thời, như cảnh bần cùng, sự suy thoái của cá nhân, sự triệt tiêu tư tưởng tự do và tha hoá tinh thần. L.Phoiobắc nhận thấy thực chất của tha hoá tinh thần là ở chỗ con người chuyển những phẩm chất và hoài bão tốt đẹp nhất của mình sang một thực thể lý tưởng nào đó. Qua đó, cá nhân bị biến thành vật phụ thuộc của cỗ máy xã hội phi nhân cách. Nhiệm vụ của thế giới quan nhân văn chủ nghĩa theo L.Phoiobắc là ở chỗ, hoàn trả cho con người và nhân loại bản chất nhân văn đã bị đánh mất, đưa con người từ thực thể siêu việt ở phía bên kia xuống thế giới xã hội hiện thực trần tục, biến con người thành trung tâm của lý tưởng. Nói cách khác, ông đã thần thánh hoá con người theo lối nhân văn chủ nghĩa.

Chủ nghĩa nhân bản của L.Phoiobắc vừa cụ thể lại vừa trừu tượng. Tính trừu tượng của nó được quy định bởi việc phê phán một cách sống động, từ lập trường công dân, các hình thức tha hoá và suy đồi của cá nhân trong xã hội đương thời, mà trước hết là các hình

thức tha hoá tôn giáo. Song, khi phân tích tha hoá về mặt triết học và chỉ ra các con đường khắc phục nó, L.Phoiobắc đã đánh mất cơ sở vững chắc của chủ nghĩa phê phán nhân văn chủ nghĩa và bị rơi vào lĩnh vực chủ nghĩa nhân bản trừu tượng. Ông nhận thấy bản chất tình cảm, cảm xúc của con người là "thực thể" của xã hội. Với nghĩa đó thì việc vạch ra bản chất của con người và khắc phục sự tha hoá diễn ra ở chừng mực mà con người có khả năng bộc lộ cơ sở tộc loại của nó. Chính quan niệm trừu tượng như vậy về chủ nghĩa nhân văn đã buộc Phoiobắc phải đưa ra một cá nhân trừu tượng, biệt lập, và do vậy bản chất con người ở ông chỉ có thể được xem như là "loài", như cái chung gắn liền vô số cá nhân với nhau chỉ bằng những quan hệ tự nhiên.

3. Chủ nghĩa nhân văn của C.Mác trong dòng chảy của chủ nghĩa nhân văn ở phương Tây

Thái độ của chủ nghĩa Mác đối với chủ nghĩa nhân văn là đối tượng của những cuộc tranh luận gay gắt. Một số tác giả cho rằng, chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa nhân văn loại trừ lẫn nhau. Luận cứ được đưa ra ở đây là, sau khi phê phán chủ nghĩa nhân bản của L.Phoiobắc, C.Mác dường như đã hoàn toàn đem đối lập mình với truyền thống nhân văn chủ nghĩa nhiều thế kỷ của nền văn hoá Châu Âu. Số khác lại cho rằng, tinh hoa của chủ nghĩa nhân văn của C.Mác thể hiện ở các tác phẩm đầu tay và trước hết là trong tác phẩm "Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844" của ông. Theo họ,

tác phẩm này chịu ảnh hưởng sâu sắc của những tư tưởng nhân văn chủ nghĩa và sau này, C.Mác đã khước từ tư tưởng nhân văn chủ nghĩa khi ông xây dựng học thuyết kinh tế, học thuyết đấu tranh giai cấp và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Cuối cùng, số thứ ba cho rằng dường như "Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844" không những là tín hiệu của chủ nghĩa nhân văn của C.Mác, mà nhìn chung còn là chủ nghĩa Mác chân chính và đã bị hoạt động chính trị sau này của C.Mác xuyên tạc.

Những quan niệm như vậy đã hoài nghi chủ nghĩa nhân văn của C.Mác, cũng như luận chứng cho huyền thoại về hai C.Mác. C.Mác thứ nhất là người theo chủ nghĩa nhân văn đích thực, còn C.Mác thứ hai là nhà kinh tế học và chính khách lạnh lùng, tinh táo. Đương nhiên, với tư cách một nhà tư tưởng, C.Mác đã trải qua các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng của mình. Cụ thể là, tác phẩm "Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844" cho chúng ta thấy sự phát triển tư tưởng của C.Mác trên con đường tới quan niệm duy vật về lịch sử. Nhưng điều đó hoàn toàn không có nghĩa rằng, dường như C.Mác hậu kỳ đã khước từ định hướng tư tưởng và nguồn cảm hứng nhân văn chủ nghĩa vốn có ở các tác phẩm đầu tay của ông. Ngược lại, giữa các tác phẩm đầu tay và tất cả mọi tác phẩm sau này của C.Mác đều có một tính kế thừa hữu cơ. Sau khi khắc phục chủ nghĩa nhân bản siêu hình của L.Phoiơbắc, C.Mác đã đi tới luận điểm: chủ nghĩa nhân văn đích thực gắn liền

với việc phát hiện ra các quy luật hiện thực của xã hội, làm chủ chúng và tạo ra mọi tiền đề vật chất và tinh thần cần thiết để cải tạo toàn bộ hệ thống quan hệ xã hội, hình thành cá nhân tự do và sáng tạo. Quá trình thật sự nhân văn này chỉ được thực hiện trong lịch sử khi giai cấp vô sản giải phóng mình và qua đó giải phóng toàn thể xã hội.

Học thuyết của C.Mác là thống nhất xét về bản chất tư tưởng sâu xa của mình. Chủ nghĩa nhân văn xuyên suốt và thâm nhập khắp nơi trong "Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844" và hoàn toàn biểu thị định hướng tư tưởng chủ đạo của C.Mác.

Như chúng ta đã biết, khi phân tích tình cảnh của người công nhân làm thuê trong xã hội tư sản, C.Mác đã xuất phát từ hiện tượng tha hoá, là hiện tượng biến người công nhân thành phương tiện phi cá tính của sản xuất và thành phi nhân văn hoá cá nhân. Theo C.Mác, tha hoá là hình thức biểu thị phổ biến về mặt xã hội tính không tương dung về lợi ích của giữa ông chủ và người công nhân làm thuê. Hơn nữa, quan hệ sản xuất tư sản không những làm tha hoá công nhân khỏi sản phẩm lao động, mà còn biến lao động thành cái đáng ghét và không có ý nghĩa nhân văn. C.Mác nhận thấy chính tha hoá là nguồn gốc và nội dung của sự bóc lột cá nhân một cách phản nhân văn ở chủ nghĩa tư bản, vì bản chất của con người bị tha hoá khỏi con người và con người trở thành xung đột với hiện thực và với chính bản thân mình. Một mặt, lao động thể hiện là phương

tiện sinh tồn và phương thức tự thực hiện của cá nhân; nhưng mặt khác, lao động không phục tùng người công nhân, không phải là nhu cầu, mà là sự trừng phạt. Người công nhân vừa hướng tới lao động, vừa chạy trốn khỏi lao động như một lực lượng xa lạ.

Theo C.Mác, lao động tha hoá sinh ra thế giới các hình thức thù địch với con người, trong đó bao gồm các giá trị tinh thần giả dối, các nền tảng đạo đức hủ lậu. Rốt cuộc, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa "sản sinh ra con người không chỉ với tính cách là hàng hoá, không chỉ với tính cách là con người hàng hoá, con người với sự quy định của hàng hoá; nó sản xuất ra con người theo sự quy định ấy, như là một thực thể mất tính chất người cả về mặt tinh thần lẫn thể xác"⁽²⁾. Con người bị hạ thấp xuống mức sinh tồn thú vật vì mục đích của nó là duy trì hoạt động sống của mình trong khuôn khổ các nhu cầu thể xác. Thế giới các giá trị tinh thần đã đánh mất ý nghĩa của mình, và cùng với nó là thế giới những người khác cũng không còn có ý nghĩa.

Theo C.Mác, việc khắc phục tha hoá chỉ diễn ra ở nơi sở hữu tư nhân bị xoá bỏ. Sự giải phóng xã hội khỏi sở hữu tư nhân "trở thành hình thức chính trị của sự giải phóng công nhân"⁽³⁾. Đạt tới tự do chính trị nhờ thủ tiêu chế độ tư hữu, giai cấp vô sản cũng tiến hành "giải phóng toàn thể nhân loại", chính điều này biểu thị sứ mệnh giải phóng lịch sử toàn cầu của nó. Vì vậy, C.Mác coi lý tưởng nhân văn về loài người được giải

phóng là "sự xoá bỏ một cách tích cực chế độ tư hữu"⁽⁴⁾. Và khi đó sẽ diễn ra quá trình con người chiếm hữu một cách thực sự bản chất của mình, con người "hoàn toàn quay trở lại chính mình với tính cách là con người xã hội, nghĩa là có tính người"⁽⁵⁾. Với nghĩa đó thì việc thủ tiêu chế độ tư hữu và chương trình xây dựng xã hội công bằng của chủ nghĩa nhân văn là đồng nhất với nhau. Khi xem chủ nghĩa nhân văn như quá trình tự nhận thức của nhân loại, đang trải qua lò lửa của những đối kháng giai cấp và các cuộc cách mạng xã hội, C.Mác nhận thấy một tất yếu khoa học là con người quay lại với bản thân mình nhờ cải tạo chế độ xã hội.

Chỉ bằng con đường như vậy thì mới có thể xác lập được quan hệ có nhân tính đích thực giữa con người và xã hội, giữa con người và thế giới bên ngoài. Xã hội phát triển hài hoà và sẽ làm cho con người trở nên hài hoà hơn. C.Mác viết: "Nếu anh muốn ảnh hưởng tới những người khác thì anh phải là người thực sự kích thích và thúc đẩy những người khác. Mỗi quan hệ của anh đối với con người và đối với giới tự nhiên phải là một biểu hiện của đời sống cá nhân hiện thực của anh, một biểu hiện xác định, đáp ứng đối tượng của ý muốn của anh"⁽⁶⁾.

Chủ nghĩa nhân văn tích cực trong

⁽²⁾ C.Mác, Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, tập 42, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 149.

⁽³⁾ *Sđđ*, tr. 143.

^{(4), (5)} *Sđđ*, tr. 167.

⁽⁶⁾ *Sđđ*, tr. 216.

quan điểm của C.Mác, tức chủ nghĩa nhân văn thừa nhận sự vượt bỏ chế độ tư hữu, trở thành sự sáng tạo ra của cải xã hội và tạo nên nhu cầu quan tâm giữa người với người. Sự quan tâm của con người đến những người khác càng sâu sắc và càng đa dạng bao nhiêu thì con người càng phong phú bấy nhiêu. Hơn nữa, đây không đơn giản chỉ là sự quan tâm chủ quan đến người khác, mà trong quan niệm của C.Mác, đó là tổng thể những quan hệ xã hội có nhân cách. Do vậy, chủ nghĩa nhân văn hiện thực tất yếu phải bao hàm nhu cầu phát triển cao ở con người về giao tiếp với người khác, nhu cầu đóng góp phần mình cho tiến bộ xã hội.

Trong "Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844", C.Mác không những đã đoạn tuyệt với chủ nghĩa nhân bản L.Phoiobắc, mà còn đặt ra nhiệm vụ biến chủ nghĩa nhân văn từ lý luận trừu tượng thành các luận điểm mang tính cương lĩnh, không tách rời công cuộc cải tạo xã hội. Chính công cuộc cải tạo này làm bộc lộ các đặc điểm có nhân tính, nhân văn của con người và của xã hội.

Chính nguồn cảm hứng nhân văn này sẽ thể hiện xuyên suốt trong bộ "Tư bản", nhằm chống lại quan hệ xã hội biến người lao động thành công cụ phi cá tính của sản xuất, làm cho người lao động bị tha hoá khỏi quá trình lao động. Khi nghiên cứu cơ cấu kinh tế của xã hội tư bản chủ nghĩa và vạch ra sứ mệnh lịch sử toàn cầu của giai cấp vô sản, C.Mác đã không phản bội lại lý tưởng

chủ nghĩa nhân văn của mình. Trong toàn bộ hoạt động sáng tạo của mình, C.Mác đã hướng vào việc biến chủ nghĩa nhân văn từ lý luận thành thực tiễn cải tạo thế giới. Chủ nghĩa nhân văn của C.Mác được biểu thị qua luận điểm nổi tiếng: "Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của mọi người, và ngược lại, sự phát triển tự do của mọi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của mỗi người".

Kết luận

C.Mác không những đã kế thừa truyền thống nhân văn chủ nghĩa Châu Âu cận hiện đại, mà còn phát triển truyền thống đó lên một trình độ mới về chất. C.Mác là người đầu tiên luận chứng một cách khoa học cho con đường hiện thực hoá lý tưởng nhân văn chủ nghĩa tiến bộ của nhân loại. Tư tưởng của C.Mác về xoá bỏ tha hoá, tạo điều kiện cho sự phát triển tự do của mỗi người và của mọi người nhờ nhân văn hoá quan hệ xã hội vẫn giữ nguyên giá trị thời sự trong thế giới hiện đại. Trong nghiên cứu và giảng dạy triết học Mác nói riêng và chủ nghĩa Mác nói chung, chúng ta cần phải hướng vào chính bản chất nhân văn này. Chính bản chất nhân văn đó đã gắn kết mọi vấn đề của chủ nghĩa Mác lại thành một chỉnh thể, mà hạt nhân là tư tưởng giải phóng con người, làm cho con người có điều kiện tự do phát triển nhân cách toàn vẹn và toàn diện của mình. Điều đó làm cho chủ nghĩa Mác có sức sống mạnh mẽ trong thời đại ngày nay.

